

Bản án số: 63/2021/HS-PT
Ngày: 30-9-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH Q

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Quảng Lực;

Các Thẩm phán: Ông Võ Bá Lưu, Bà Từ Thị Hải Dương;

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Thúy - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Tỉnh Q xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 52/2021/TLPT-HS ngày 02 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo Lê Văn T, do có kháng cáo của bị cáo này đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2021/HS-ST ngày 22-6-2021 của Tòa án nhân dân huyện L, Tỉnh Q.

Bị cáo Lê Văn T sinh ngày 28 tháng 01 năm 1993 tại huyện L, Tỉnh Q; nơi cư trú: Thôn T, xã T1, huyện L, T Q; nghề nghiệp: Thợ xây; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị T; có vợ và hai con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 06/5/2014, bị Công an huyện L, Tỉnh Q xử phạt vi phạm hành chính 2.000.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản; ngày 23/6/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh, T Quảng Trị xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 17/2016/HSST; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 31/12/2020 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Lê Văn H, Nguyễn Văn T, có các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng xét thấy không liên quan đến việc xem xét kháng cáo của bị cáo Lê Văn T nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 29/12/2020, sau khi ăn nhậu cùng nhau, Lê Văn H rủ Lê Văn T, Nguyễn Văn T đi trộm cắp tài sản. T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 43K9-2111 của H, chở H và T1 đến trước nhà chị Võ Thị G ở thôn P, xã H, huyện L, T Q. Tại đây, T đứng đợi ngoài đường, còn H và T1 vào trong hiên nhà lấy trộm một máy phát điện, đưa ra bỏ lên xe mô tô, rồi cả ba đẩy xe mô tô đi theo đường ra xã Ngư Thủy, được khoảng 30m thì dừng lại để tìm chỗ giấu máy phát điện. Sau khi tìm được chỗ và cất giấu được máy phát điện, T ở lại giữ xe mô tô, còn H và T1 quay lại nhà chị Gầm tiếp tục bắt trộm 10 con gà, đưa ra chỗ T, rồi cả ba đưa số gà trộm được đến bán cho chị Ngô Thị H ở thôn T, xã M, huyện L, T Q được số tiền 1.100.000 đồng. Sau khi bán gà, T chở H và T1 về nhà T, T1 nghỉ lại đây, còn T và H quay lại chở máy phát điện về nhà T cất giấu. Số tiền bán gà cả ba chia nhau, T và T1 mỗi người được 330.000 đồng, H được 440.000 đồng.

Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự định giá và kết luận: Máy phát điện và 10 con gà có tổng giá trị 6.800.000 đồng.

Ngoài ra, quá trình điều tra còn chứng minh được Lê Văn H, Lê Văn T và Nguyễn Văn T1 đã thực hiện các vụ trộm khác, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 01 giờ ngày 18/11/2020, Lê Văn H đến trang trại nuôi heo của anh Hoàng Trường T, ở thôn 2 T, xã T, huyện L, tỉnh Q, bắt trộm 04 con heo giống lai rừng. Sau đó đem bán cho Hoàng Đức C ở Bản C, xã K 03 con được 2.500.000 đồng, còn 01 con H làm thịt ăn.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự định giá và kết luận: 04 con heo giống lai rừng có tổng giá trị 8.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 01 giờ ngày 11/12/2020, Lê Văn H đến nhà ông Lê Đăng V ở thôn S, xã S, huyện L, tỉnh Q bắt trộm một con heo màu trắng, có khối lượng 17kg, sau đó đem bán cho Nguyễn Văn T ở thôn Q, xã L, huyện L, tỉnh Q được 1.700.000 đồng.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự định giá và kết luận: Con heo màu trắng có giá trị 3.150.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 01 giờ ngày 15/12/2020, Lê Văn H đi xe mô tô biển kiểm soát 43K9-2111 đến quán tạp hóa của chị Hoàng Thị D ở thôn X, xã X, huyện L, tỉnh Q lấy trộm 07 thùng bia Sài Gòn, 01 thùng nước RedBull, 03 thùng nước Super Horse, 04 cây thuốc Hồng Hà, 01 cây thuốc White Horse, 01 thùng sữa Fami, 01 thùng sữa Vinamilk, 03 kg đường phèn, 10 gói bột ngọt Aji ngon, 10 chai nước mắm Nam Ngư, 24 chai dầu ăn loại 01 lít, 05 can dầu ăn loại 05 lít, 11 cây dao Thái, 10 cây kéo, 10 đôi tất chân, 01 bộ dao Nhật và 100.000 đồng tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự định giá và kết luận: Toàn bộ số hàng tạp hóa có tổng giá trị 7.174.000 đồng.

Vụ thứ tư: Khoảng 02 giờ ngày 20/12/2020, Lê Văn H cùng Lê Văn T và Nguyễn Văn T1, đi xe mô tô biển kiểm soát 43K9-2111 đến nhà ông Ngô Mậu H ở thôn L, xã A, huyện L, Tỉnh Q, bắt trộm 12 con gà. Sau đó cả ba đưa 10 con gà lai đến bán cho chị Ngô Thị Hà ở thôn Thuận Trạch, xã Mỹ Thủy, huyện L được 950.000 đồng, 02 con gà còn lại, T, H, T1 làm thịt ăn. Số tiền bán gà, T và T1 mỗi người được 300.000 đồng, H được 350.000 đồng.

Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự định giá và kết luận: 12 con gà có tổng giá trị 2.075.000 đồng.

Vụ thứ năm: Khoảng 01 giờ ngày 26/12/2020, H, T và T1 đi xe mô tô biển kiểm soát 43K9-2111 đến nhà chị Cái Thị T ở thôn M, xã M, huyện L, Tỉnh Q, bắt trộm 10 con gà lai chọi. Sau đó cả ba đưa số gà trộm được đến bán cho chị Ngô Thị H ở thôn T, xã M, huyện L được 1.680.000 đồng. Số tiền bán được, cả ba chia nhau.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự định giá và kết luận: 10 con gà lai chọi có tổng giá trị 2.000.000 đồng.

Vụ thứ sáu: Khoảng 01 giờ ngày 27/12/2020, H, T, T1 đi xe mô tô biển kiểm soát 43K9-2111 đến nhà chị Lê Thị Mỹ L ở thôn X, xã L, huyện L, Tỉnh Q, bắt trộm 08 con gà kiến. Sau đó cả ba đưa toàn bộ số gà trộm được đến bán cho chị Ngô Thị H ở thôn T, xã M, huyện L được 500.000 đồng. Số tiền bán gà, T, T1 mỗi người được 150.000 đồng, H được 200.000 đồng.

Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự đã định giá và kết luận: 08 con gà kiến có tổng giá trị 2.200.000 đồng.

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã tạm giữ 10 cây dao; 02 cái kéo; 03 chai nước mắm; 05 chai dầu ăn; 01 gói hạt nêm; 03 con heo; 01 máy phát điện; 01 cái kim; 01 xe mô tô biển kiểm soát 43K9-2111, tất cả có đặc điểm mô tả như biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu các ngày 29, 30 và 31 tháng 12 năm 2020. Cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản trên cho chủ sở hữu và người quản lý hợp pháp. Riêng xe mô tô, cái kim và cái kéo đang tiếp tục tạm giữ.

Về dân sự: Bị hại ông Lê Đăng V đã nhận lại tài sản bị mất; các bị hại chị Võ Thị G, anh Hoàng Trường T đã nhận lại một phần tài sản bị mất, số tài sản còn lại, các bị cáo và gia đình đã bồi thường theo yêu cầu. Các bị cáo và gia đình đã bồi thường cho các bị hại khác, cụ thể: Bồi thường cho anh Ngô Mậu H số tiền 1.600.000 đồng, chị Cái Thị T số tiền 1.800.000 đồng, chị Lê Thị Mỹ L số tiền 1.600.000 đồng và trả lại tiền cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cụ thể: Anh Hoàng Đức Chung số tiền 800.000 đồng anh Nguyễn Văn T số tiền 850.000 đồng. Các bị hại và người liên quan đã nhận đủ số tiền và không yêu cầu gì thêm. Riêng bị hại chị Hoàng Thị D đã nhận lại một số tài sản bị mất, chị có yêu cầu bồi thường số tiền 7.000.000 đồng đối với số tài sản chưa thu hồi được, bị cáo Lê Văn H đã tự nguyện bồi thường 3.500.000 đồng, số tiền còn lại chưa bồi thường.

Bản Cáo trạng số: 29/CT-VKSNDLT ngày 19/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy đã truy tố các bị cáo Lê Văn H , Lê Văn T và Nguyễn Văn T1 về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Bản án Hình sự sơ thẩm số 32/2021/HS-ST ngày 22-6-2021 của Tòa án nhân dân huyện L, Tỉnh Q đã xét xử các bị cáo Lê Văn H , Lê Văn T và Nguyễn Văn T1 về tội trộm cắp tài sản; áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm s, b khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn H 18 (mười tám) tháng tù, xử phạt bị cáo Lê Văn T 06 (sáu) tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm s, b khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn văn T1 06 (sáu) tháng tù.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm bồi thường dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/6/2021, bị cáo Lê Văn T có đơn kháng cáo, nội dung cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã nhận ra khuyết điểm, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục hậu quả thiệt hại, hiện tại bị cáo có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, bản thân có bệnh lý là hở van tim hai lá, hở động mạch chủ; vì vậy, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ để có điều kiện gánh vác trách nhiệm với gia đình và điều trị bệnh cho bản thân

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn T , vì hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là phù hợp; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có tình tiết gì mới để xem xét thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Nội dung vụ án mà bản án sơ thẩm đã xác định hoàn toàn phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời khai của bị cáo Lê Văn T tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận hành vi phạm tội của bị cáo Lê Văn T đã thực hiện đúng như xác định của Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L và tại phần nội dung của Bản án phúc thẩm này.

[2]. Lê Văn T đã có hành vi cùng với các bị cáo Lê Văn H , Nguyễn Văn T1 thực hiện 04 lần trộm cắp tài sản, với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 13.700.000 đồng. Hành vi này phạm vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự về tội trộm cắp tài sản. Do đó Bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lê Văn T về tội trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật.

[3]. Bị cáo Lê Văn T có nhân thân xấu, các năm 2014, 2016 đã bị xử phạt hành chính và bị xử phạt tù cho hưởng án treo về hành vi trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân. Lần phạm tội này, bị cáo Lê Văn T tuy không phải là người chủ mưu, vai trò trong vụ án có hạn chế hơn so với các bị cáo khác, nhưng vẫn thể hiện sự tích cực khi thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội hai lần trở lên”; có các tình tiết giảm nhẹ là “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, “bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả”. Với các tình tiết như trên của vụ án, án sơ thẩm xử phạt bị cáo Lê Văn T mức án khởi điểm 06 tháng tù của loại hình phạt tù quy định tại khung hình phạt của khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[4]. Tuy vậy, xét thấy hoàn cảnh Lê Văn T sức khỏe hiện tại đang trong tình trạng xấu, bị cáo vừa phải nằm viện trong một thời gian dài để phẫu thuật thay van động mạch chủ, thay van hai lá; tình trạng sức khỏe này của bị cáo còn kéo dài; mặt khác, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự về tội trộm cắp tài sản có quy định loại hình phạt cải tạo không giam giữ. Do đó, thấy rằng việc không cách ly bị cáo khỏi xã hội, buộc bị cáo phải chấp hành hành phạt cải tạo không giam giữ với sự giám sát của chính quyền địa phương, một mặt nhằm thể hiện sự nhân đạo của pháp luật, nhưng mặt khác vẫn đảm bảo tính giáo dục răn đe, phòng ngừa chung. Vì lẽ trên, Hội đồng xét xử thấy rằng có thể thỏa mãn kháng cáo của bị cáo Lê Văn T, sửa án sơ thẩm, chuyển cho bị cáo Lê Văn T được hưởng loại hình phạt cải tạo không giam giữ.

[5]. Xét thấy sức khỏe bị cáo xấu, thu nhập không ổn định, nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[6]. Các nội dung khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cần được giữ nguyên.

[7]. Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận, nên căn cứ điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, không buộc bị cáo Lê Văn T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm đ khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự, sửa Bản án sơ thẩm như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, các khoản 1, 2, 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo Lê Văn T 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội trộm cắp tài sản, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Ty, huyện L, Tỉnh Q nhận được Quyết định thi hành án, Bản án có

hiệu lực pháp luật của Tòa án; miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Lê Văn T trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, bị cáo Lê Văn T phải thực hiện một số nghĩa vụ theo quy định về cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Lê Văn T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, Tỉnh Q giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo Lê Văn T thay đổi nơi cư trú, thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

2. Căn cứ điểm a khoản 1 và điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, nhưng không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 30-9-2021.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh Q;
- Phòng PC 10 CA Tỉnh Q;
- CQĐT; VKS; TAND huyện L;
- Vụ GDKT 1 TAND tối cao;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Quảng Lực

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
VIỆT NAM
HUYỆN L
TỈNH Q**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2021/HS-ST

Ngày: 22/6/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THUYẾT – TỈNH Q

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Trung Tuấn

Ông Trương Quang Huy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diệu Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lê Thuyết, Tỉnh Q.

- Đại diện VKSND huyện Lê Thuyết tham gia phiên tòa: Ông Dương Đại Phong, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, Tỉnh Q mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2021/TLST-HS ngày 19/4/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-HS ngày 18/5/2021, Quyết định H phiên tòa số: 08/2021/HSST-QĐ ngày 01/6/2021 đối với các bị cáo:

1/ Lê Văn H, sinh ngày: 12/11/1995 tại huyện L, Tỉnh Q; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn Tân Hòa, xã Tân Thủy, huyện L, Tỉnh Q; nghề nghiệp: Thợ xây; trình độ văn hoá: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; không tôn giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn Nự, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị Thái, sinh năm 1968; vợ: Nguyễn Thị Thuý, sinh năm 1996; con: Có 01 con, sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện L từ ngày 01/01/2021 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2/ Lê Văn T, sinh ngày: 28/01/1993 tại huyện L, Tỉnh Q; nơi Đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn Tân Hòa, xã Tân Thủy, huyện L, Tỉnh Q; nghề nghiệp: Thợ xây; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; không tôn giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn Nự, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị Thái, sinh năm 1968; vợ: Nguyễn Như Ý, sinh năm 1993; con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 06/5/2014, bị Công an huyện L, Tỉnh Q xử phạt vi phạm hành chính 2.000.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản; ngày 23/6/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh, T Quảng Trị xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về Tội trộm cắp tài sản tại bản án số 17/2016/HSST. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/12/2020 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn T1, sinh ngày: 02/02/1991 tại huyện L, Tỉnh Q; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn Lê Bình, xã Mai Thủy, huyện L, Tỉnh Q; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; không tôn giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Chiến, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị An, sinh năm 1955; vợ: Bùi Thị Vượng, sinh năm 1990, con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 06/5/2014, bị Công an huyện L xử phạt vi phạm hành chính 2.000.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện L từ ngày 01/01/2021 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

+ Chị Võ Thị Gấm, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn Phù Lưu, xã Hưng Thủy, huyện L, Tỉnh Q, vắng mặt;

+ Anh Hoàng Trường Thọ, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn 3 Thanh Tân, xã Thanh Thủy, huyện L, Tỉnh Q, vắng mặt;

+ Ông Lê Đăng Viêng, sinh năm 1963; nơi cư trú: Thôn Sen Đông, xã Sen Thủy, huyện L, Tỉnh Q, vắng mặt;

+ Chị Hoàng Thị Duyên, sinh năm 1970, nơi cư trú: Thôn Xuân Lai, xã Xuân Thủy, huyện L, Tỉnh Q, vắng mặt;

+ Ông Ngô Mậu Hiệu, sinh năm 1966, nơi cư trú: Thôn Lộc Hạ, xã An Thủy, huyện L, Tỉnh Q, vắng mặt;

+ Chị Cái Thị Tuyên, sinh năm 1984, nơi cư trú: Thôn Mai Thượng, xã Mai Thủy, huyện L, Tỉnh Q, vắng mặt;

+ Chị Lê Thị Mỹ Lệ, sinh năm 1974, nơi cư trú: Đội 1, thôn Xuân Hồi, xã Liên Thủy, huyện L, Tỉnh Q, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Nguyễn Văn Trường, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn Quy Hậu, xã Liên Thủy, huyện L, Tỉnh Q, vắng mặt;

+ Anh Hoàng Đức Chung, sinh năm 1988, nơi cư trú: Bản Chuôn, xã Kim Thủy, huyện L, Tỉnh Q, vắng mặt;

+ Chị Ngô Thị Hà, sinh năm 1975, nơi cư trú: Thôn Thuận Trạch, xã Mỹ Thủy, huyện L, Tỉnh Q, vắng mặt;

+ Chị Hoàng Thị Lĩnh, sinh năm 1974, nơi cư trú: Thôn 3, Thanh Tân, xã Thanh Thủy, huyện L, Tỉnh Q, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 01 giờ ngày 29/12/2020, sau khi ăn nhậu cùng với Lê Văn T và Nguyễn Văn T1, Lê Văn H rủ T và T1 đi trộm cắp tài sản. T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 43K9-2111 của H, chở H và T1 đến trước nhà chị Võ Thị Gấm ở thôn Phù Lưu, xã Hưng Thủy, huyện L, Tỉnh Q thì dừng lại. T đứng đợi ngoài đường còn H và T1 vào trong hiên nhà lấy trộm máy phát điện bỏ lên xe mô tô. Cả ba đẩy xe mô tô đi theo đường ra xã Ngư Thủy khoảng 30m thì dừng lại giấu máy

phát điện. Sau đó T ở lại giữ xe, H và T1 quay lại nhà chị Gấm bắt trộm 10 con gà lai đưa ra chỗ T rồi cả ba đưa số gà trộm được đến bán cho chị Ngô Thị Hà ở thôn Thuận Trạch, xã Mỹ Thủy, huyện L, Tỉnh Q được 1.100.000 đồng. Sau khi bán gà T chở H và T1 về nhà T, T1 ở lại còn T và H quay lại chở máy phát điện về nhà T cất giấu. Số tiền bán gà cả ba chia nhau, T và T1 mỗi người được 330.000 đồng, H được 440.000 đồng.

Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự định giá và kết luận: Máy phát điện và 10 con gà có tổng giá trị 6.800.000 đồng.

Ngoài ra, Lê Văn H, Lê Văn T và Nguyễn Văn T1 còn thực hiện các vụ trộm khác:

Vụ thứ nhất: Khoảng 01 giờ ngày 18/11/2020, Lê Văn H đến trang trại nuôi heo của anh Hoàng Trường Thọ, ở thôn 2, Thanh Mỹ, xã Thanh Thủy, huyện L, Tỉnh Q, bắt trộm 04 con heo lai rừng. Sau đó, đem bán cho Hoàng Đức Chung ở Bản Chuôn, xã Kim Thủy 03 con được 2.500.000 đồng, còn 01 con H làm thịt ăn.

Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự định giá và kết luận: 04 con heo giống lai rừng có tổng giá trị 8.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 01 giờ ngày 11/12/2020, Lê Văn H đến nhà ông Lê Đăng Viêng ở thôn Sen Đông, xã Sen Thủy, huyện L, Tỉnh Q bắt trộm một con heo màu trắng, có trọng lượng 17kg. Sau đó đem bán cho Nguyễn Văn Trường ở thôn Quy Hậu, xã Liên Thủy, huyện L, Tỉnh Q được 1.700.000 đồng.

Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự định giá và kết luận: Con heo màu trắng có giá trị 3.150.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 01 giờ ngày 15/12/2020, Lê Văn H đi xe mô tô biển kiểm soát 43K9-2111 đến quán tạp hóa của chị Hoàng Thị Duyên ở thôn Xuân Lai, xã Xuân Thủy, huyện L, Tỉnh Q, lấy trộm 07 thùng bia Sài Gòn, 01 thùng nước RedBull, 03 thùng nước Super Horse, 04 cây thuốc Hồng hà, 01 cây thuốc White Horse, 01 thùng sữa Fami, 01 thùng sữa Vinamilk, 03 kg đường phèn, 10 gói bột ngọt Aji ngon, 10 chai nước mắm Nam ngư, 24 chai dầu ăn loại 01 lít, 05 can dầu ăn loại 05 lít, 11 cây dao Thái, 10 cây kéo, 10 đôi tất đeo chân, 01 bộ dao Nhật và 100.000 đồng tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang lưu hành.

Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự định giá và kết luận: Toàn bộ số hàng tạp hóa có tổng giá trị 7.174.000 đồng.

Vụ thứ tư: Khoảng 02 giờ ngày 20/12/2020, Lê Văn H cùng Lê Văn T và Nguyễn Văn T1, đi xe mô tô biển kiểm soát 43K9-2111 đến nhà ông Ngô Mậu Hiệu ở thôn Lộc Hạ, xã An Thủy, huyện L, Tỉnh Q, bắt trộm 12 con gà (01 con gà chọi, 01 con gà tre, 10 con gà lai). Sau đó cả ba đưa 10 con gà lai đến bán cho chị Ngô Thị Hà ở thôn Thuận Trạch, xã Mỹ Thủy, huyện L được 950.000 đồng, 02 con gà còn lại, T, H, T1 để lại làm thịt ăn. Số tiền bán gà, T và T1 mỗi người được 300.000 đồng, H được 350.000 đồng.

Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự định giá và kết luận: 12 con gà có tổng giá trị 2.075.000 đồng.

Vụ thứ năm: Khoảng 01 giờ ngày 26/12/2020, H cùng với T và T1 đi xe mô tô biển kiểm soát 43K9-2111 đến nhà chị Cái Thị Tuyên ở thôn Mai Thượng, xã Mai

Thủy, huyện L, Tỉnh Q, bắt trộm 10 con gà lai chọi. Sau đó cả ba đưa số gà trộm được đến bán cho chị Ngô Thị Hà ở thôn Thuận Trạch, xã Mỹ Thủy, huyện L được 1.680.000 đồng. Số tiền bán được, cả ba chia nhau.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự định giá và kết luận: 10 con gà lai chọi có tổng giá trị 2.000.000 đồng.

Vụ thứ sáu: Khoảng 01 giờ ngày 27/12/2020, H, T, T1 đi xe mô tô biển kiểm soát 43K9-2111 đến nhà chị Lê Thị Mỹ Lệ ở thôn Xuân Hối, xã Liên Thủy, huyện L, Tỉnh Q, bắt trộm 08 con gà kiến. Sau đó cả ba đưa toàn bộ số gà trộm được đến bán cho chị Ngô Thị Hà ở thôn Thuận Trạch, xã Mỹ Thủy, huyện L được 500.000 đồng. Số tiền bán gà, T, T1 mỗi người được 150.000 đồng, H được 200.000 đồng.

Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự đã định giá và kết luận: 08 con gà kiến có tổng giá trị 2.200.000 đồng.

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã tạm giữ 10 cây dao; 02 cái kéo; 03 chai nước mắm; 05 chai dầu ăn; 01 gói hạt nêm; 03 con heo; 01 máy phát điện; 01 cái kim; 01 xe mô tô biển kiểm soát 43K9-2111, tất cả có đặc điểm mô tả như biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu các ngày 29, 30 và 31 tháng 12 năm 2020. Cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản trên cho chủ sở hữu và người quản lý hợp pháp. Riêng xe mô tô; cái kim và cái kéo đang tiếp tục tạm giữ.

Về dân sự: Bị hại ông Lê Đăng Viêng đã nhận lại tài sản bị mất; các bị hại chị Võ Thị Gấm, anh Hoàng Trường Thọ đã nhận lại một phần tài sản bị mất, số tài sản còn lại, các bị cáo và gia đình đã bồi thường theo yêu cầu. Các bị cáo và gia đình đã bồi thường cho các bị hại khác, cụ thể: Bồi thường cho anh Ngô Mậu Hiệu số tiền 1.600.000 đồng, chị Cái Thị Tuyên số tiền 1.800.000 đồng, chị Lê Thị Mỹ Lệ số tiền 1.600.000 đồng và trả lại tiền cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cụ thể: Anh Hoàng Đức Chung số tiền 800.000 đồng anh Nguyễn Văn Trường số tiền 850.000 đồng. Các bị hại và người liên quan đã nhận đủ số tiền và không yêu cầu gì thêm. Riêng bị hại chị Hoàng Thị Duyên đã nhận lại một phần tài sản bị mất, chị yêu cầu bồi thường số tiền 7.000.000 đồng, bị cáo Lê Văn H đã tự nguyện bồi thường 3.500.000 đồng, số tiền còn lại chưa bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số: 29/CT-VKSNDLT ngày 19/4/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy đã truy tố các bị cáo Lê Văn H, Lê Văn T và Nguyễn Văn T1 về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Qua tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự xử phạt Lê Văn H từ 15 đến 18 tháng tù; xử phạt Lê Văn T từ 06 đến 09 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Văn T1 từ 06 đến 09 tháng tù; vật chứng, đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, các điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước xe mô tô, tiêu hủy kim và kéo; về dân sự, đề nghị áp dụng Điều 46, 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587 và 589 của Bộ luật dân sự, xử buộc bị cáo Lê Văn H phải bồi thường cho chị Hoàng Thị Duyên số tiền còn lại là 3.500.000 đồng. Bị hại và

những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác không có yêu cầu bồi thường gì nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện L, Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện L và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo và người tham gia tố tụng không ai có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Chứng cứ xác định có tội và điều luật áp dụng:

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Văn H , Lê Văn T và Nguyễn Văn T1 đều đã khai nhận tất cả hành vi phạm tội của mình như đã khai tại Cơ quan điều tra. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng như các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra đã thu thập, đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Lê Văn H , Lê Văn T và Nguyễn Văn T1 đã có hành vi lợi dụng đêm khuya mọi người đã ngủ say, lén lút trộm cắp tài sản của các chủ sở hữu trên địa bàn huyện L, trong đó Lê Văn H thực hiện 07 vụ trộm cắp tài sản, gây thiệt hại với tổng trị giá 31.499.000 đồng; Lê Văn T và Nguyễn Văn T1 thực hiện 04 vụ, gây thiệt hại với tổng trị giá 13.075.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành Tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3]. Xét vai trò thực hiện và tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội đối với từng bị cáo và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác; gây mất trật tự trị an trên nhiều địa bàn các xã thuộc huyện L. Trong tất cả các lần cùng T , T1 trộm cắp tài sản, bị cáo Lê Văn H là người chủ động rủ rê và chuẩn bị công cụ, phương tiện như: Xe mô tô, kìm, kéo, bao lác, đồng thời là người thực hiện hành vi với vai trò là người thực hành chủ yếu, tài sản trộm cắp bán được chia phần H cũng nhiều hơn; bị cáo Lê Văn T và Nguyễn Văn T1 là đồng phạm với vai trò là người thực hành, nhưng xét toàn bộ vụ án, Lê Văn H có vị trí, vai trò chủ yếu và cao hơn T và T1. Đây là vụ án có đồng phạm nhưng không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Xét về nhân thân của các bị cáo: Tất cả các bị cáo đều được coi là chưa có tiền án, tiền sự, nhưng bị cáo Lê Văn T và Nguyễn Văn T1 đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính 01 lần, bị cáo T đã từng bị Tòa án xét xử 01 lần, do đó, H có nhân thân tốt, T và T1 có nhân thân không tốt. Trong vụ án này, H đã thực hiện 07 lần trộm cắp tài sản mà mỗi lần đều có giá trị trên hai triệu đồng; Lê Văn T và Nguyễn Văn T1 thực hiện 04 lần trộm cắp tài sản mà mỗi lần đều có giá trị trên hai triệu đồng nên cả ba bị cáo đều thuộc trường hợp phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1

Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Do đó, cần phải có một mức án tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội đối với từng bị cáo nhằm có tác dụng giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình nghiên cứu toàn bộ nội dung vụ án cũng như xét hỏi công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy, sau khi phạm tội các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã cùng gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại cho những người bị hại và hoàn trả lại tiền cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, thể hiện thái độ bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; bị cáo Nguyễn Văn T1 có bố ông Nguyễn Văn Chiến, là người có công với cách mạng nên khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với tất cả các bị cáo. Riêng bị cáo Nguyễn Văn T1 áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật. Ngoài ra, tại phiên tòa ngày 01/6/2021, gia đình bị cáo Lê Văn T có nộp một đơn xin H phiên tòa kèm theo đơn xin xác nhận về việc bị cáo đang điều trị bệnh tim tại Bệnh viện Trung ương Huế. Sau đó nộp tiếp bản sao bệnh án, 01 bản sao giấy ra viện, 02 bản phô tô giấy chứng nhận phẫu thuật, 01 bản phô tô đơn thuốc và 01 giấy hẹn tái khám phô tô, Hội đồng xét xử đã xem xét nhưng không thuộc trường hợp áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Trong vụ án này, Lê Văn H khai: Có đối tượng tên Linh ở thôn Đông Thành, xã Liên Thủy, huyện L, Tỉnh Q cùng tham gia với H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, hiện đối tượng Linh đi khỏi địa phương chưa lấy được lời khai, Cơ quan Điều tra tiếp tục điều tra, xử lý sau; đối với chị Ngô Thị Hà, anh Nguyễn Văn Trường, anh Hoàng Đức Chung là những người mua tài sản do các bị cáo trộm cắp đem bán, anh Nguyễn Văn Trường còn giúp bị cáo gọi người mua tài sản nhưng những người này không biết rõ đó là tài sản do phạm tội mà có nên không phạm tội.

[6]. Vật chứng vụ án: Số vật chứng Cơ quan điều tra đã tạm giữ và đã trả lại cho các chủ sở hữu theo đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét. Riêng xe mô tô biển kiểm soát 43K9-2111, cái kìm và cái kéo đang tạm giữ của bị cáo H là công cụ phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước xe mô tô, tịch thu tiêu hủy cái kìm và cái kéo là phù hợp với Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự và các điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7]. Về dân sự: Các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản và tiền bồi thường, tại phiên tòa họ đều vắng mặt nhưng lời khai tại Cơ quan Điều tra họ không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét. Riêng bị hại chị Hoàng Thị Duyên vắng mặt nhưng tại phiên tòa H ngày 01/6/2021, chị Duyên thể hiện bức xúc và yêu cầu bồi thường tiếp 3.500.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy, vụ trộm cắp tài sản tại quầy tạp hóa của chị Duyên, H khai đã thực hiện cùng với Linh, Hội đồng định giá đã định giá tổng tài sản của chị Duyên bị trộm cắp là: 7.174.000 đồng, chị Duyên yêu cầu bồi thường 7.000.000 đồng, H đã tự nguyện bồi

thường trước cho chị Duyên 3.500.000 đồng. Hiện nay chị Duyên tiếp tục yêu cầu bồi thường 3.500.000 đồng, đối tượng tên Linh đi khỏi địa phương, Cơ quan điều tra chưa làm rõ được, H nhất trí bồi thường tiếp cho chị Duyên nên cần buộc bị cáo bồi thường cho chị Duyên phần còn lại 3.500.000 đồng. Sau này làm rõ đối tượng tên Linh, H có quyền yêu cầu Linh chịu trách nhiệm liên đới là phù hợp với các Điều 46, 48 của Bộ luật hình sự và các Điều 584, 585, 586, 587 và 589 của Bộ luật dân sự.

[8].Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

[9].Quyền kháng cáo: Các bị cáo, các bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 173 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố các bị cáo Lê Văn H , Lê Văn T và Nguyễn Văn T1 phạm Tội trộm cắp tài sản.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Lê Văn H 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 01/01/2021. Quyết định tiếp tục tạm giam bị cáo H 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án (có quyết định riêng);

- Xử phạt bị cáo Lê Văn T 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án. Quyết định tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo T 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án (có quyết định riêng).

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 01/01/2021. Quyết định tiếp tục tạm giam bị cáo T1 10 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án (có quyết định riêng).

Căn cứ Điều 46 và Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tuyên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước xe mô tô biển kiểm soát 43K9-2111; tịch thu tiêu hủy cái kim và cái kéo. Hiện các vật chứng trên đang tạm giữ và bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện L ngày 26/4/2021.

Căn cứ Điều 46 và Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587 và 589 của Bộ luật dân sự: Xử buộc bị cáo Lê Văn H có nghĩa vụ bồi thường tiếp cho chị Hoàng Thị Duyên 3.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Tuyên các bị cáo Lê Văn H, Lê Văn T và Nguyễn Văn T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi người 200.000 đồng, riêng Lê Văn H phải chịu thêm án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/6/2021); bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân Tỉnh Q xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Các bị hại;
- Những người có QLNVLQ;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- VKSND T Quảng Bình;
- TAND T Quảng Bình;
- Chi cục THADS h.Lệ Thủy;
- Công an h. Lệ Thủy;
- Sở Tư pháp t.Quảng Bình;
- Bộ phận THAHS;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Nhàn